UBND TỈNH LAI CHÂU **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 868 /SNN-KL V/v thống nhất thực hiện trong việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	*Lai Châu, ngày 09 tháng 5 năm 2022*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

Việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được pháp luật quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 23, Điều 102, Điều 108 Luật Lâm nghiệp năm 2017; Điều 41, Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Điều 1, Điều 2, Điều 3 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua việc thực hiện các trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng của chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh còn lúng túng và gặp khó khăn, vướng mắc. Để việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất thực hiện như sau:

I. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Pháp luật về lâm nghiệp nghiêm cấm và xử phạt mọi hành vi chuyển mục đích sử dụng rừng trái quy định; việc chuyển mục đích sử dụng rừng chỉ được Ủy ban nhân dân tỉnh *(đối với tổ chức)*, Ủy ban nhân dân cấp huyện *(đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)* quyết định khi đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện sau:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.

- Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất.

- Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Chủ đầu tư dự án xây dựng hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *(thành phần hồ sơ thực hiện theo tiểu mục 2 - mục II Văn bản này).*

Bước 2: Sau khi hoàn thiện hồ sơ, chủ đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh *(Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu).*

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thực địa.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổ chức thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định trong thời hạn 20 ngày làm việc *(đối với diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ)* hoặc 30 ngày làm việc *(đối với diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng của Hội đồng nhân dân tỉnh)* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

- Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện:

+ Đối với diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định.

+ Đối với diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định.

Bước 5:

- Đối với dự án có diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khi kết quả thẩm định đủ điều kiện; hoặc trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ khi kết quả thẩm định không đủ điều kiện.

- Đối với dự án có diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp Hội đồng gần nhất. Trường hợp dự án được thông qua, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng rừng; trường hợp dự án không được thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho chủ đầu tư dự án bằng văn bản.

Bước 6: Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất.

Bước 7: Sau khi được Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chủ đầu tư dự án phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các trình tự, thủ tục về bồi thường, giải phóng mặt bằng, thanh lý, khai thác tận dụng rừng theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác có liên quan.

2. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gồm:

(1) Văn bản đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

(2) Tài liệu chứng minh có dự án đầu tư:

- Đối với dự án chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư: Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư:

+ Dự án đầu tư công: Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Dự án đầu tư: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện.

(3) Tài liệu đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công *(Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, tài liệu khác...)**;***

(4) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng, kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:

** Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng phải thể hiện rõ những nội dung chính như sau:*

- Thông tin chung về dự án: Tên dự án, chủ đầu tư dự án, địa điểm, thời gian, mục tiêu, quy mô đầu tư; quy mô sử dụng đất, sử dụng rừng của dự án;

- Cơ sở pháp lý: Các căn cứ pháp lý về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, ... liên quan đến dự án;

- Sự cấp thiết đầu tư dự án;

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Hiện trạng diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng: Nội dung; phương pháp nội nghiệp, ngoại nghiệp; thời gian tiến hành; kết quả điều tra rừng gồm diện tích *(đơn vị tính là hécta (ha), lấy bốn số lẻ sau số hàng đơn vị)*; trữ lượng *(đơn vị tính là mét khối (m^3), lấy ba số lẻ sau số hàng đơn vị)*; nguồn gốc hình thành *(rừng tự nhiên, rừng trồng)*; loại rừng *(rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất)*; nguồn gốc hình thành rừng trong từng loại rừng; chủ quản lý rừng; điều kiện lập địa đối với rừng tự nhiên; loài cây, năm trồng, nguồn vốn *(nếu có)* đối với rừng trồng.

- Hệ thống bảng biểu, biên bản làm việc, tài liệu minh chứng kèm theo.

** Về bản đồ hiện trạng diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng:*

- Hệ tọa độ: VN-2000, kinh tuyến trục 103 độ, múi chiếu 3 độ;

- Trình bày bản đồ: Thực hiện theo Tiêu chuẩn Việt Nam số 11565:2016 Quy định về trình bày và thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng rừng.

- Tỷ lệ bản đồ:

+ Trường hợp diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng dưới 500 ha: 1/2.000.

+ Trường hợp diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng từ 500 ha trở lên: 1/5.000.

- Về mức độ thể hiện địa hình *(theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*:

+ Tỷ lệ bản đồ 1/2.000: Khoảng cao đều cơ bản giữa hai đường đồng mức là 0,5 mét; 1,0 mét hoặc 2,5 mét.

+ Tỷ lệ bản đồ 1/5.000: Khoảng cao đều cơ bản giữa hai đường đồng mức là 0,5 mét; 1,0 mét; 2,5 mét hoặc 5,0 mét.

3. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên.

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng rừng như sau:

+ Chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên *(trừ diện tích thuộc thẩm quyền của Quốc hội)*;

+ Chuyển mục đích sử dụng rừng trồng, gồm: Rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha.

- Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng rừng trồng, gồm: Rừng phòng hộ dưới 20 ha, rừng sản xuất dưới 50 ha, rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

4. Đối với dự án có đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên

- Dự án được đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là các dự án sau:

+ Dự án quan trọng quốc gia, dự án được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư *(dự án đã có hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trong thành phần hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư và đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng)*;

+ Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận bằng văn bản;

+ Dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

+ Dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

+ Dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu *(giao thông, thuỷ lợi, bảo vệ, phát triển rừng)*;

+ Dự án tạo nguồn điện và hệ thống truyền tải điện đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;

+ Dự án xây dựng, tôn tạo di tích cách mạng, di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia;

+ Dự án du lịch sinh thái được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận dự án;

+ Dự án thăm dò, khai thác khoáng sản được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận dự án *(chỉ được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên thuộc loại rừng sản xuất để triển khai các hoạt động khoáng sản).*

- Các dự án nêu trên được đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

+ Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

+ Được Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận là dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí trên diện tích đất khác;

+ Không nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng;

+ Có phương án trồng rừng thay thế theo quy định *(khi xây dựng hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, chủ đầu tư dự án phải có phương án trồng rừng thay thế gửi kèm).*

5. Một số nội dung khác cần lưu ý

- Đối với dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng rừng, thì chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Do vậy, chủ đầu tư dự án cần phải thực hiện các trình tự, thủ tục đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới thực hiện các trình tự, thủ tục đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

- Đối với dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng trong nội dung quyết định chưa xác định diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như đã nêu tại mục II Văn bản này.

- Đối với dự án có diện tích rừng hiện tại đã được đưa ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thì vẫn phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng như đã nêu tại mục II Văn bản này; loại rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là loại rừng tương ứng trước khi đưa ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp.

- Đối với một dự án có diện tích rừng đề nghị chuyển sang mục đích sử dụng khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của nhiều cấp khác nhau thì phải được tất cả các cấp chấp thuận; diện tích rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của cấp nào thì cấp đó quyết định.

- Đối với dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại khu vực biên giới phải có ý kiến thẩm định của Sở Ngoại vụ và các cơ quan

có liên quan là không ảnh hưởng đến các vấn đề biên giới theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì tiếp tục thực hiện các thủ tục, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, cụ thể như sau:

1. Trình tự, thủ tục

- Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thống nhất, đồng bộ với trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

- Khi thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trình cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định, chủ đầu tư dự án gửi kèm theo hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng, hồ sơ gồm:

+ Quyết định phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng theo Mẫu số 09 đối với tổ chức, Mẫu số 10 đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP *(sao gửi kèm theo Văn bản này)*;

+ Phương án trồng rừng thay thế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác nhận bằng văn bản.

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ về điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng cùng thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đồng thời rà soát, xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng.

- Trong Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân các cấp thể hiện rõ vị trí, diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng

Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thống nhất với thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Căn cứ các nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền đến chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ Chi cục Kiểm lâm theo số điện thoại: *(0213)* 3.795.125 để được giải đáp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Trọng Lịch

Mẫu số 09

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(dùng cho tổ chức)

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức (chữ in hoa) (1).....

2. Địa chỉ trụ sở chính..... .....

3. Địa chỉ liên hệ.....

Điện thoại.....

4. Các thông tin về rừng

Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô).....

Diện tích rừng (ha):..... ....

Chức năng rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)

Loại rừng (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng)

Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng (2).....

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng của pháp luật về lâm nghiệp.

.....ngày.....tháng.....năm .....

(Đại diện tổ chức ký, ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

(1) Ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Ghi rõ mục đích sử dụng rừng: Để làm đường; xây dựng công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, an sinh - xã hội, phát triển kinh tế; khai thác khoáng sản…

Mẫu số 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(dùng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)

Kính gửi: .....

1. Tên người đề nghị (cá nhân/hai vợ chồng/hộ gia đình/tên cộng đồng (chữ in hoa): ..... (Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ "Hộ" trước họ tên, năm sinh, số giấy CMND của người đại diện và họ tên vợ hoặc chồng của người đại diện đó; cộng đồng dân cư thì ghi chữ "Cộng đồng" và tên thôn, bản nơi sinh sống của cộng đồng đó)

2. Địa chỉ thường trú .....

3. Địa chỉ liên hệ.....

Điện thoại.....

4. Các thông tin về rừng

Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô).....

Diện tích rừng (ha):.....

Chức năng rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)

Loại rừng (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng)

Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng [(1)].....

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng của pháp luật về lâm nghiệp.

.....ngày .... tháng ..... năm .....
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(1) Ghi rõ mục đích sử dụng rừng: để làm đường; xây dựng công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, an sinh - xã hội, phát triển kinh tế; khai thác khoáng sản...